|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 1.010727 | | | | | |
| **Tên thủ tục:** Cấp giấy phép môi trường | | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp tỉnh. | | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Môi trường | | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | | |
| **3.1** | **Gửi (nộp) hồ sơ TTHC** | | | | |
| Chủ dự án đầu tư, cơ sở (khách hàng) nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.  Thực hiện gửi hồ sơ thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (bắt buộc) đối với các trường hợp sau:  - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;  - Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*  - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
|  |  | *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi trực tuyến* | |  |
| 1 | Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:  + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 3 | Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ: 01 bộ* | | | | | |
| **3.2** | **Giải quyết hồ sơ TTHC** | | | | |
| ***Bước 1:*** Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng), kiểm tra, yêu cầu khách hàng thanh toán phí thẩm định theo quy định; thẩm định, thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, rà soát nội dung chỉnh sửa, bổ sung (nếu có); trình UBND tỉnh trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép:  - Trong thời hạn 12ngày làm việckể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  - Trong thời hạn 25 ngày làm việckể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI*:Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang). | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
|  |  | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | |  |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 3 | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 4 | Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, tổ thẩm định hoặc đoàn kiểm tra | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 5 | Biên bản kiểm tra, khảo sát thực tế, họp thẩm định của hội đồng thẩm định, tổ thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo quy định (nếu có) | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 6 | Phiếu thẩm định của hội đồng thẩm định, tổ thẩm định theo quy định (nếu có) | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 7 | Văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, chuyên gia được tham vấn trong quá trình cấp giấy phép (nếu có) | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 8 | Văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung (nếu có) | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 9 | Văn bản giải trình chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án (nếu có) | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ: 01 bộ.* | | | | | |
| ***Bước 2:*** UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy phép môi trường cho tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho khách hàng:  - Trong thời hạn 03 ngày làm việcđối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việcđối với các trường hợp còn lại. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang). | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
|  |  | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | |  |
| 1 | Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 02 (bản giấy); bản điện tử: 01 bản |
| 2 | Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| ***Bước 3:*** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho khách hàng theo quy định. | | | | | |
| *Cách thức trả kết quả:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
|  |  | Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Trả trực tuyến | |  |
| 1 | Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  *- Theo quy định của pháp luật:*  + 15 ngày làm việc đối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + 30 ngày làm việc đối với các trường hợp còn lại.  *- Theo thực tế tại địa phương:*  + 15 ngày làm việc đối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + 30 ngày làm việc đối với các trường hợp còn lại. | | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. | | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**  *- Cơ quan thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.  *- Cơ quan phối hợp:* Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố (nơi thực hiện dự án).  *- Cơ quan có thẩm quyền:* UBND tỉnh Hà Giang. | | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):** Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang*.* | | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**  - Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức;  - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. | | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**  - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;  - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bốthủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửađổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏtrong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý củaBộ Tài nguyên và Môi trường. | | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** | | | | |
|  | Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | |  | |
|  | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | | |  | |
|  | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | | |  | |
|  | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | | |  | |
|  | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | | |  | |
|  | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | | |  | |